

Hà Nội, ngày 30. tháng 03 năm 2026

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC.  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

### A. TỔ CHỨC NIÊM YẾT:

Tên tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Constrexim số 8 .  
Tên tiếng Anh: Constrexim No8 Investment and Construction joint stock Company  
Tên viết tắt: Constrexim No8  
Mã giao dịch: CX8  
Địa chỉ Công ty: Toà nhà Constrexim 8 - Km số 8 Đường Nguyễn Trãi , C7 Thanh Xuân, Hà Nội  
Điện thoại: 024- 35543197 Fax: 024- 35543197  
Vốn điều lệ: 26.721.570.000 đồng

### B. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025:

#### I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

##### 1. Lịch sử hình thành.

Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Constrexim số 8 (CTCP Constrexim số 8) được thành lập từ việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty xây lắp số 8, một thành viên của Công ty Đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu Việt Nam - Constrexim Holdings (nay là Tổng công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Việt Nam) theo Quyết định số 2261/QĐ- BXD ngày 08/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng.

Tiền thân của CTCP Constrexim số 8 là Xí nghiệp xây lắp số 9 được thành lập theo Quyết định số 893/QĐ-BXD của Bộ xây dựng. Qua quá trình xây dựng và phát triển, đơn vị đã được tổ chức lại thành Công ty xây lắp số 8 (Constrexim 8) trên cơ sở sáp nhập Xí nghiệp xây lắp số 9 và Xí nghiệp xây lắp số 8 theo Quyết định số 620/MC-TCHC ngày 20/10/2003 của Tổng giám đốc Công ty đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu Việt Nam. Đây là hai xí nghiệp xây lắp có truyền thống về thi công các công trình dân dụng, hạ tầng các khu công nghiệp, nội ngoại thất công trình, xây dựng và lắp đặt các công trình thủy điện nhỏ, đường dây điện và trạm biến áp dưới 35KV, với đội ngũ cán bộ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên có thời gian công tác từ 7 đến 25 năm kinh nghiệm trong ngành, có năng lực và đạo đức nghề nghiệp. Ngay từ những ngày đầu, nhằm duy trì và phát huy truyền thống đã đạt được, Công ty đã có những biện pháp cụ thể ổn định công tác tổ chức, sắp xếp cán bộ tinh gọn, hiệu quả, duy trì thị trường truyền thống, đẩy mạnh tìm kiếm mở rộng thị trường ra các tỉnh như Sơn La, Thái Bình, Nghệ An, Đà Nẵng và các địa phương khác.

Khi chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần (tháng 12/2005), vốn điều lệ của Công ty là 5.568.000.000 đồng. Năm 2007, Công ty đã tiến hành 2 đợt chào bán cổ phần riêng lẻ (dưới 100 nhà đầu tư) theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên ngày 20/01/2007 tăng vốn điều lệ của công ty từ 5.568.000.000 đồng lên 10.568.000.000

đồng và nghị quyết của ĐHĐCĐ bất thường ngày 27/10/2007 tăng vốn điều lệ của công ty từ 10.568.000.000 đồng lên 19.568.000.000 đồng;

Ngày 19/5/2010 cổ phiếu Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Constrexim số 8 (mã CX8) được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội sau khi có các tài liệu sau:

-Văn bản số:142/SGDHN ngày 22/01/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận nguyên tắc niêm yết cổ phiếu CTCP đầu tư và xây lắp Constrexim số 8, trong đó:

Số lượng chứng khoán niêm yết: 1.858.960 cổ phiếu;

Riêng đối với 97.840 cổ phiếu có nguồn gốc liên quan đến giá trị thương hiệu, Sở GDCKHN sẽ xem xét thực hiện niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu trên sau khi có văn bản hướng dẫn.

-Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số: 65/2010/GCNCP-VSD ngày 17/3/2010 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp;

-Quyết định số: 166/QĐ-SGDHN ngày 24/03/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu CTCP đầu tư và xây lắp Constrexim số 8.

Năm 2017: Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 (tháng 11/2017) công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ lên 22.084.260.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Năm 2023: Thực hiện Nghị ĐHĐCĐ năm 2023 (tháng 6/2023) trong quý IV năm 2023 công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 22.084.260.000 đồng lên 26.721.570.000 đồng từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu mã CX8 niêm yết bổ sung được giao dịch từ ngày 12/01/2024 theo Thông báo số 62/TB-SGDHN ngày 04/01/2024 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

## 2. Quá trình phát triển:

### a. Ngành nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành  | Mã ngành |
|-----|--|----------|
| 1   | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>- Hoạt động trang trí nội thất   | 7410     |
| 2   | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: - Đầu tư kinh doanh nhà, cho thuê bất động sản; Kinh doanh bất động sản;<br>- Kinh doanh cơ sở hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, cho thuê văn phòng và nhà ở; kinh doanh các dịch vụ các khu nhà chung cư cao tầng và văn phòng; | 6810     |
| 3   | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: - Dịch vụ môi giới, tư vấn bất động sản;  | 6820     |
| 4   | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: - Tư vấn xây dựng, kiểm định các công trình xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);   | 7110     |
| 5   | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;  | 3290     |
| 6   | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;  | 4663     |



|    |  |      |
|----|--|------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn kính xây dựng;</li> <li>- Bán buôn sơn, véc ni;</li> <li>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;</li> <li>- Bán buôn đồ ngũ kim;</li> <li>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</li> </ul>   |      |
| 7  | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu</p> <p>Chi tiết: - Kinh doanh thương mại vật tư, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, hàng hoá;</p> <p>(Trừ loại nhà nước cấm)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;</li> <li>- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;</li> <li>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;</li> <li>- Bán buôn cao su;</li> <li>- Bán buôn sợi dệt...;</li> <li>- Bán buôn bột giấy;</li> <li>- Bán buôn đá quý;</li> <li>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.</li> </ul> | 4669 |
| 8  | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu</p> <p>Chi tiết: xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ, hàng hoá;</p>   | 8299 |
| 9  | <p>Hoạt động tư vấn quản lý</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Việc cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát. Việc cung cấp dịch vụ kinh doanh này có thể bao gồm tư vấn, hướng dẫn hoặc trợ giúp hoạt động đối với doanh nghiệp hoặc các dịch vụ cộng đồng như:</li> <li>- Quan hệ và thông tin cộng đồng;</li> <li>- Hoạt động vận động hành lang;</li> <li>- Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...</li> </ul>   | 7020 |
| 10 | <p>Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu</p> <p>Chi tiết: khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).</p> <p>Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đầu như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, graphite tự nhiên, và các chất phụ gia khác...</li> <li>+ Đá quý, bột thạch anh, mica...</li> </ul>  | 0899 |
| 11 | <p>Sản xuất đồ gỗ xây dựng</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất đồ gỗ chủ yếu dùng trong công nghiệp xây dựng, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Rui, mè, xà, dầm, các thanh giằng,</li> <li>+ Các khung đỡ mái nhà được làm sẵn bằng gỗ, bằng kim loại nối với nhau và bằng gỗ dán mỏng,</li> </ul>   | 1622 |

|    |  |      |
|----|--|------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, khung cửa, bất kể chúng có các phụ kiện bằng kim loại hay không, như bản lề, khoá...</li> <li>+ Cầu thang, hàng rào chắn,</li> <li>+ Ván ốp, hạt gỗ, gỗ đúc,</li> <li>+ Lót ván sàn, mảnh gỗ ván sàn được lắp ráp thành tấm.</li> <li>- Sản xuất các khung nhà lắp sẵn hoặc các bộ phận của nhà, chủ yếu bằng gỗ;</li> <li>- Sản xuất nhà gỗ di động;</li> <li>- Sản xuất các bộ phận bằng gỗ (trừ các đồ không có chân).</li> </ul>  |      |
| 12 | <p>Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá</p> <p>Chi tiết: - Cắt, tạo dáng, hoàn thiện sản phẩm đá sử dụng trong xây dựng, trong nghĩa trang, đường xá và lợp mái</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất đồ gia dụng bằng đá.</li> <li>- Làm mộ bia</li> </ul>   | 2396 |
| 13 | <p>Sản xuất các cấu kiện kim loại</p> <p>Chi tiết: - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...);</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...);</li> <li>- Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời..</li> <li>- Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung cửa chúng, cửa chớp, cổng ; - Vách ngăn phòng bằng kim loại.</li> </ul>  | 2511 |
| 14 | <p>Phá dỡ</p> <p>Chi tiết: Phá huỷ hoặc đập các toà nhà và các công trình khác.</p>  | 4311 |
| 15 | <p>Chuẩn bị mặt bằng</p> <p>Chi tiết: - Làm sạch mặt bằng xây dựng ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn...</li> <li>- Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: Chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí;</li> <li>- Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự ;</li> <li>- Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng ;</li> <li>- Hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp ;</li> </ul> | 4312 |
| 16 | <p>Lắp đặt hệ thống điện</p> <p>Chi tiết: Việc lắp đặt hệ thống điện ở tất cả các công trình nhà ở và dân dụng; Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dây dẫn và thiết bị điện,</li> <li>+ Đường dây thông tin liên lạc,</li> <li>+ Mạng máy tính và dây cáp truyền hình, bao gồm cả cáp quang học,</li> <li>+ Đèn vệ tinh,</li> <li>+ Hệ thống chiếu sáng,</li> <li>+ Chuông báo cháy,</li> <li>+ Hệ thống báo động chống trộm,</li> <li>+ Tín hiệu điện và đèn trên đường phố,</li> <li>+ Đèn trên đường băng sân bay.</li> <li>+ Hoạt động kết nối các thiết bị điện và đồ dùng gia đình</li> </ul>  | 4321 |



|    |   |               |
|----|---|---------------|
| 17 | <p>Xây dựng nhà để ở</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng tất cả các loại nhà để ở như:</li> <li>+ Nhà cho một hộ gia đình,</li> <li>+ Nhà cho nhiều gia đình, bao gồm cả các toà nhà cao tầng.</li> <li>- Tu sửa và cải tạo các khu nhà ở đã tồn tại.</li> </ul>   | 4101          |
| 18 | <p>Lắp đặt hệ thống xây dựng khác</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như:</li> <li>+ Thang máy, thang cuốn,</li> <li>+ Cửa cuốn, cửa tự động,</li> <li>+ Dây dẫn chống sét,</li> <li>+ Hệ thống hút bụi,</li> <li>+ Hệ thống âm thanh,</li> <li>+ Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.</li> </ul>   | 14329         |
| 19 | <p>Xây dựng công trình đường sắt</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng đường sắt (bao gồm cả cầu đường sắt);</li> <li>- Xây dựng hầm đường sắt;</li> <li>- Xây dựng đường tàu điện ngầm</li> <li>- Sơn đường sắt;</li> <li>- Lắp đặt rào chắn, biển báo giao thông đường sắt và các loại tương tự.</li> </ul>  | 4211          |
| 20 | <p>Xây dựng nhà không để ở</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng tất cả các loại nhà không để ở như:</li> <li>+ Nhà xưởng phục vụ sản xuất công nghiệp, ví dụ: nhà máy, xưởng lắp ráp...</li> <li>+ Bệnh viện, trường học, nhà làm việc,</li> <li>+ Khách sạn, cửa hàng, nhà hàng, trung tâm thương mại,</li> <li>+ Nhà ga hàng không,</li> <li>+ Khu thể thao trong nhà,</li> <li>+ Bãi đỗ xe, bao gồm cả bãi đỗ xe ngầm,</li> <li>+ Kho chứa hàng,</li> <li>+ Nhà phục vụ mục đích tôn giáo, tín ngưỡng.</li> <li>- Lắp ráp và ghép các cấu kiện xây dựng đúc sẵn tại hiện trường xây dựng;</li> </ul> | 4102(Chính h) |
| 21 | <p>Xây dựng công trình cấp, thoát nước. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước như:</li> <li>+ Hệ thống thủy lợi (kênh).</li> <li>+ Hồ chứa.</li> <li>- Xây dựng các công trình cửa:</li> <li>+ Hệ thống thoát nước thải, bao gồm cả sửa chữa.</li> <li>+ Nhà máy xử lý nước thải.</li> <li>+ Trạm bơm.</li> </ul>  | 4222          |
| 22 | <p>Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc. Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng các mạng lưới cáp viễn thông, thông tin liên lạc và các công trình, cấu trúc có liên quan:</li> <li>+ Các tuyến cáp, mạng lưới viễn thông.</li> <li>+ Các tuyến cột, tuyến cống, bể để kéo cáp thông tin và các công trình phụ trợ.</li> <li>- Xây dựng công trình đài, trạm thu phát sóng truyền thanh, truyền hình và các công trình có liên quan.</li> </ul>  | 4223          |

|    |   |      |
|----|---|------|
| 23 | <p>Xây dựng công trình điện</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mạng lưới đường dây truyền tải, phân phối điện và các công trình, cấu trúc có liên quan như:</li> <li>+ Đường dây, mạng lưới truyền tải điện với khoảng cách dài.</li> <li>+ Đường dây, mạng lưới truyền tải điện, đường cáp điện ngầm và các công trình phụ trợ ở thành phố.</li> <li>+ Trạm biến áp.</li> <li>- Xây dựng nhà máy điện.</li> </ul>  | 4221 |
| 24 | <p>Xây dựng công trình khai khoáng</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công trình công nghiệp khai khoáng không phải nhà như:</li> <li>+ Nhà máy lọc dầu.</li> <li>+ Công trình khai thác than, quặng...</li> </ul>   | 4292 |
| 25 | <p>Xây dựng công trình chế biến, chế tạo</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công trình công nghiệp chế biến, chế tạo không phải nhà như;</li> <li>+ Nhà máy sản xuất hoá chất cơ bản, hóa dược, dược liệu và hóa chất khác.</li> <li>+ Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng.</li> <li>+ Nhà máy chế biến thực phẩm,...</li> </ul>   | 4293 |
| 26 | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời.</li> </ul>   | 4299 |
| 27 | <p>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí</p> <p>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống, lò sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa.</p> <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống lò sưởi (điện, ga, dầu);</li> <li>- Lò sưởi, tháp làm lạnh ;</li> <li>- Máy thu nạp năng lượng mặt trời không dùng điện ;</li> <li>- Thiết bị bơm và vệ sinh ;</li> <li>- Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà nhiệt độ ;</li> <li>- Thiết bị lắp đặt ga ;</li> <li>- Bơm hơi ;</li> <li>- Hệ thống đánh lửa ;</li> <li>- Hệ thống đánh cò;</li> <li>- Lắp đặt hệ thống ống dẫn.</li> </ul> | 4322 |
| 28 | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>(Trừ hoạt động của các đấu giá viên)</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động đại lý bán hàng hưởng hoa hồng thực hiện theo ủy quyền hoặc nhân danh tài khoản giao dịch của bên ủy quyền hoặc giao đại lý về các loại hàng hóa:</li> <li>+ Nông, lâm sản nguyên dạng, động vật sống, nguyên liệu dệt thô và bán thành phẩm,</li> <li>+ Nhiên liệu, quặng, kim loại và hoá chất công nghiệp, phân bón,</li> <li>+ Lương thực, thực phẩm, đồ uống, sản phẩm thuốc lá, thuốc láo,</li> <li>+ Hàng dệt, may sẵn, hàng da lông thú, giày dép, các sản phẩm da và giả da,</li> <li>+ Gỗ xây dựng và nguyên, vật liệu xây dựng,</li> </ul>             | 4610 |



|    |   |      |
|----|---|------|
|    | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Máy móc, thiết bị, kể cả máy văn phòng, máy vi tính, thiết bị công nghiệp, tàu thuyền và máy bay,</li> <li>+ Giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, đồ dùng gia đình, hàng gia dụng và đồ ngũ kim;</li> <li>- Môi giới thương mại</li> </ul>  |      |
| 29 | <p>Xây dựng công trình thủy</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Xây dựng công trình thủy như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống...</li> <li>+ Đập và đê.</li> </ul>   | 4291 |
| 30 | <p>Xây dựng công trình đường bộ</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các công việc bề mặt trên đường phố, đường bộ, đường cao tốc, cầu, đường ngầm như:</li> <li>+ Thi công mặt đường: rải nhựa đường, rải bê tông...</li> <li>+ Sơn đường và các hoạt động sơn khác,</li> <li>+ Lắp đặt đường chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự,</li> <li>- Xây dựng cầu, bao gồm cả cầu (không tính cầu đường sắt);</li> <li>- Xây dựng hầm đường bộ;</li> <li>- Xây dựng đường cho tàu điện ngầm,</li> <li>- Xây dựng đường băng sân bay, sân đỗ máy bay.</li> </ul>   | 4212 |
| 31 | <p>Hoàn thiện công trình xây dựng</p> <p>Nhóm này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động khác nhau có liên quan tới việc hoàn thiện hoặc kết thúc một công trình,</li> <li>- Lát sàn gỗ, lát thảm, vải sơn lót sàn nhà hoặc che phủ bằng giấy tường...</li> <li>- Trát vữa bên trong và bên ngoài các công trình xây dựng dân dụng và các công trình khác, bao gồm các nguyên liệu đánh bóng,</li> <li>- Lắp đặt hệ thống cửa bao gồm cửa ra vào, cửa sổ, cửa bếp, cầu thang, các loại cửa tương tự làm bằng gỗ hoặc làm bằng vật liệu khác,</li> <li>- Các hoạt động hoàn thiện bên trong công trình như: làm trần, ốp gỗ tường, hoặc vách ngăn di chuyển được,</li> <li>- Sắp đặt, lợp ngói, treo hoặc lắp đặt trong các toà nhà hoặc các công trình khác bằng như:</li> <li>+ Gốm, xi măng hoặc đá cắt hoặc đá ốp sàn,</li> <li>+ Lót ván sàn và các loại phủ sàn bằng gỗ khác,</li> <li>+ Thảm và tấm phủ sơn lót sàn, bao gồm bằng cao su và nhựa,</li> <li>+ Đá lát sàn, đá hoa cương, granit hoặc các tấm phủ tường hoặc sàn,</li> <li>+ Giấy dán tường.</li> <li>+ Sơn bên ngoài và bên trong công trình xây dựng dân dụng như:</li> <li>+ Sơn các công trình kỹ thuật dân dụng</li> <li>+ Lắp đặt gương kính.</li> <li>+ Làm sạch các toà nhà mới sau xây dựng.</li> <li>+ Hoàn thiện các công trình xây dựng khác không phân vào đâu.</li> <li>+ Lắp đặt bên trong các cửa hàng, các nhà di động, thuyền...</li> </ul> | 4330 |

|    |   |      |
|----|---|------|
| 32 | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Nhóm này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:</li> <li>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Chôn chân trụ,</li> <li>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>+ Uôn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,</li> <li>+ Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,</li> <li>+ Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,</li> <li>+ Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao.</li> <li>- Các công việc dưới bề mặt;</li> <li>- Xây dựng bể bơi ngoài trời;</li> <li>- Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà ;</li> <li>- Thuê cần trục có người điều khiển.</li> </ul> | 4390 |
| 33 | <p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn sắt, thép;</li> <li>- Bán buôn kim loại khác</li> </ul> <p>(Không bao gồm vàng)</p>  | 4662 |
| 34 | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp   | 0210 |

### b. Tình hình hoạt động:

Từ một đơn vị hạch toán phụ thuộc của DNNN, thực hiện chủ trương cổ phần hóa của Nhà nước, từ năm 2006 Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, sau 20 năm hoạt động (2006 đến 2026) Công ty đã tạo những bước phát triển, mặc dù có những giai đoạn khó khăn chung của cả nước hoặc lĩnh vực ngành xây dựng (đại dịch, vật tư vật liệu. ...) công ty đã vượt qua, duy trì hoạt động tương đối ổn định đồng thời thực hiện đúng đủ nghĩa vụ với nhà nước cũng như đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động. Năng lực thi công của công ty ngày càng được nâng cao, uy tín của công ty đã được khẳng định trên thị trường xây dựng trong nước, đã trúng thầu và thi công hoàn thành nhiều hạng mục, dự án tại Hà Nội và các khu vực khác như: TT văn hóa thể thao Quận Hoàng Mai, Trạm bơm nước 8.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm phục vụ NM điện điện rác Sóc Sơn, Công viên hồ điều hòa Thanh Xuân - Hà Nội, trụ sở Trạm ra đa thứ cấp cảng hàng không Nội Bài; TTTM khu vực Cần Thơ, đường QL1A Đồng Nai, QL 62 Long An, Trường Đại học Tây Bắc, Đại học SPKT Hưng Yên, Sân vận động Phúc Yên, ....

Hiện nay, Công ty đang từng bước thực hiện chuyển đổi cơ cấu ngành nghề: Lấy xây lắp làm trọng tâm, mở rộng hoạt động sang lĩnh vực đầu tư, cho thuê văn phòng, sản xuất công nghiệp ...



### **3. Định hướng phát triển của Công ty:**

#### **\* Định hướng tuân thủ pháp luật.**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật, các quy định đối với công ty đại chúng niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà nội, bảo vệ môi trường; Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương và đất nước.

#### **\* Định hướng lựa chọn và đầu tư phù hợp.**

- Trong những năm tới, Công ty xác định lĩnh vực xây lắp tiếp tục là hoạt động chính đồng thời từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực đầu tư các dự án công cộng, nhà ở trên địa bàn các tỉnh, thành phố.

- Đối với hoạt động xây lắp, xác định tiêu chí uy tín chất lượng công trình xây dựng làm lợi thế cạnh tranh. công ty tiếp tục sử dụng thương hiệu Constrexim. Tiếp tục đổi mới thiết bị công nghệ để đủ năng lực thực hiện các công trình đòi hỏi trình độ quản lý và kỹ thuật cao như: Xây dựng nhà cao tầng, các công trình kết cấu thép tại Khu công nghiệp, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong các khu đô thị lớn.

- Đối với hoạt động đầu tư, công ty đầu tư vào đơn vị có cùng lĩnh vực hoạt động và đơn vị có liên quan hoạt động xây dựng để tăng thêm lợi nhuận và tạo sức mạnh tổng hợp, mở rộng quy mô hoạt động. Ngoài ra, công ty đang xúc tiến tìm kiếm, thương thảo để đầu tư một số dự án xây dựng tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

#### **\* Chính sách chất lượng.**

- Chất lượng, uy tín là sự sống còn của Doanh nghiệp;
- Thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của đối tác, khách hàng;
- Thường xuyên tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ, công nghệ, kỹ năng quản lý, tay nghề của cán bộ công nhân viên đáp ứng nhu cầu phát triển;
- Thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với người lao động và xã hội, từng bước nâng cao đời sống người lao động,

#### **\* Định hướng phát triển nguồn nhân lực.**

CTCP Constrexim số 8 luôn xác định rằng nhân lực là tài sản vô giá, là yếu tố then chốt đã mang lại thành công cho công ty trong những năm qua và đang có những chính sách để phát triển nguồn nhân lực trong tương lai, cụ thể như:

- Bố trí nguồn nhân lực phù hợp.
- Nâng cao năng lực trách nhiệm, tự chủ và hiệu quả của đội ngũ cán bộ quản lý trong quản lý điều hành sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ kế cận và có những chính sách thích đáng khích lệ việc thu hút nhân lực, việc học tập nâng cao trình độ phù hợp yêu cầu phát triển Công ty. Bổ sung kịp thời những cán bộ nghiệp vụ có trình độ chuyên môn tay nghề phù hợp với ngành nghề đang thiếu và yếu. Coi trọng việc nâng cao trình độ văn hóa, tay nghề cho công nhân lao động.
- Cải tiến chính sách tiền lương theo hướng tạo động lực thúc đẩy sáng tạo và đóng góp tích cực của người lao động, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động.

**II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:****1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:***ĐVT: đồng*

| STT | Chỉ tiêu                                | Năm 2024       | Năm 2025        |
|-----|---|----------------|-----------------|
| 1   | Doanh thu bán hàng và dịch vụ           | 89.689.542.628 | 102.528.850.338 |
| 2   | Các khoản giảm trừ                      |                |                 |
| 3   | Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ  | 89.689.542.628 | 102.528.850.338 |
| 4   | Giá vốn hàng bán                        | 85.925.326.564 | 98.705.880.851  |
| 5   | Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ    | 3.764.216.064  | 3.822.969.487   |
| 6   | Doanh thu từ hoạt động đầu tư tài chính | 3.654.957      | 5.760.481       |
| 7   | Chi phí từ hoạt động đầu tư tài chính   |                |                 |
| 8   | Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính |                |                 |
| 9   | Chi phí bán hàng                        |                |                 |
| 10  | Chi phí quản lý doanh nghiệp            | 3.121.466.472  | 3.039.691.085   |
| 11  | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 646.404.549    | 789.038.883     |
| 12  | Chi phí khác                            | 49.075.035     | 60.000.000      |
| 13  | Lợi nhuận khác                          | 20.462.511     | (60.000.000)    |
| 14  | Lợi nhuận trước thuế                    | 666.867.060    | 729.038.883     |
| 15  | Thuế TNDN phải nộp                      | 143.188.419    | 157.807.777     |
| 16  | Lợi nhuận sau thuế                      | 523.678.641    | 571.231.106     |
| 17  | Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu              | 195.98         | 213,77          |

- Các chỉ tiêu chính về doanh thu, lợi nhuận tăng so với năm 2024 và đạt theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025

- Công ty thực hiện đúng đủ nghĩa vụ với Nhà nước và quyền lợi hợp pháp của CBCNV;

- Có lợi nhuận;

**2. Đầu tư mở rộng sản xuất trong năm:**

Trong năm 2025 Công ty chưa mở rộng quy mô sản xuất, tập trung thực hiện các dự án đã thực hiện năm trước chuyển sang đồng thời với các dự án trúng thầu năm 2025 và chuẩn bị các công tác xúc tiến thương mại tạo công việc cho các năm tiếp theo.

**3. Chiến lược phát triển:**

- Tập trung cho việc tiếp thị đấu thầu, duy trì thị trường truyền thống, mở rộng thị trường, phát triển năng lực thi công nhằm nâng cao giá trị sản lượng, uy tín và hiệu quả SXKD của doanh nghiệp.

- Chú trọng công tác quản lý, đào tạo và thu hút nhân lực;

- Tiếp tục xem xét, nghiên cứu các dự án đầu tư khả thi nhằm nâng cao doanh thu, gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh;



- Lựa chọn đối tác để liên doanh liên kết với mục đích đa dạng hoá sản phẩm, ngành nghề và tạo thêm năng lực của doanh nghiệp; Có giải pháp hợp lý, cụ thể đối với từng đối tác hợp tác kinh doanh; Trong trường hợp xét thấy hiệu suất sinh lời không đạt kỳ vọng thì thực hiện thoái vốn, thu hồi vốn đầu tư để bảo toàn nguồn vốn.

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

#### 1. Báo cáo tình hình tài chính

##### a. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

| STT | Chỉ tiêu   | Đơn vị | Kỳ báo cáo |
|-----|--|--------|------------|
| 1   | <b>Cơ cấu tài sản</b>                                    |        |            |
|     | - Tài sản cố định/Tổng tài sản                           | %      | 0,45%      |
|     | - Tài sản lưu động/Tổng tài sản                          | %      | 96,26%     |
| 2   | <b>Cơ cấu nguồn vốn</b>                                  |        |            |
|     | - Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn                            | %      | 66,52%     |
|     | - Vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn                         | %      | 33,48%     |
| 3   | <b>Khả năng thanh toán</b>                               |        |            |
|     | - Khả năng thanh toán nhanh: (TSNH-Tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | Lần    | 1,42       |
|     | - Khả năng thanh toán hiện hành: TSNH/Nợ ngắn hạn        | Lần    | 1,52       |
| 4   | <b>Tỷ suất lợi nhuận</b>                                 |        |            |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần             | %      | 0,56%      |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu        | %      | 2,01%      |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần                 | %      | 3,73%      |
|     | - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản             | %      | 0,86%      |

#### \* Phân tích các chỉ tiêu tài chính:

##### - Nhóm chỉ tiêu cơ cấu tài sản:

Tổng tài sản: So với cùng kỳ năm trước, năm 2025 tổng tài sản Công ty tăng 1,5 tỷ, trong đó tiền các khoản tương đương tiền tăng 2,5 tỷ, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 5,2 tỷ, hàng tồn kho giảm 5,3 tỷ đồng.

##### - Nhóm chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn:

Hệ số nợ (Chỉ tiêu nợ phải trả/tổng nguồn vốn): 66,52 %, tương đương so với năm trước (66,3%);

Chỉ tiêu Vốn Chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn: 33,48 %, tương đương so với năm trước (33,7%).

##### - Nhóm chỉ tiêu khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh là 1,42

**- Nhóm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận:**

Tỷ suất lợi nhuận thuần: 0,56 %

Tỷ suất lợi nhuận gộp : 3,73 %

LNST/Vốn CSH : 2,01 %

LNTT/Tổng TS: 0,86 %

**b. Những thay đổi về vốn điều lệ và cổ tức:**

\* Vốn điều lệ:

Trong năm 2025 Công ty không có sự thay đổi vốn điều lệ, vốn điều lệ của Công ty là 26.721.570.000 đồng (tương ứng với 2.672.157 cổ phiếu phổ thông).

\* Cổ tức:

- Năm 2024: 01 %

- Năm 2025: Dự kiến 01 %;

Hội đồng quản trị sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 quyết định.

**2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

**a. Doanh thu:**

Năm 2025, doanh thu đạt 102,528 tỷ đồng, tương đương 114,3 % so với năm 2024, đạt theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về cả doanh thu và lợi nhuận.

**b. Lợi nhuận:**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 571,2 triệu đồng tương đương 109% so với năm 2024 đạt chỉ tiêu nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 về lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế.

**3. Kế hoạch năm 2026:**

Ban Điều hành đã xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 báo cáo Hội đồng quản trị Công ty xem xét để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 như sau:

- Tổng doanh thu : 105.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 1.104.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 912.000.000 đồng
- Trích lập các quỹ (20%) : 182.400.000 đồng
- Tỷ lệ chi trả cổ tức/ mệnh giá (dự kiến) : 01 %
- Tiếp tục nghiên cứu liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước tìm kiếm sản phẩm mới để thực hiện chủ trương đa dạng hoá sản phẩm.
- Xúc tiến dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản



**IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tại ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán):**

| Chỉ tiêu  | Số cuối kỳ            | Số đầu năm            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                      |                       |                       |
| <b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                          | <b>81.825.623.098</b> | <b>79.801.157.417</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>5.600.031.187</b>  | <b>3.110.875.588</b>  |
| 1. Tiền   | 5.600.031.187         | 3.110.875.588         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       |                       |                       |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>      |                       |                       |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | -----                 | -----                 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | -----                 | -----                 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | -----                 | -----                 |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>70.186.505.066</b> | <b>64.964.129.063</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 32.207.854.838        | 31.887.781.815        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 164.098.000           | 40.000.000            |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | -----                 | -----                 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | -----                 | -----                 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | -----                 | -----                 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 37.814.552.228        | 33.036.347.248        |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | -----                 | -----                 |
| 8. Tài sản Thiếu chờ xử lý                          | -----                 | -----                 |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>5.345.328.471</b>  | <b>10.566.277.060</b> |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 5.345.328.471         | 10.566.277.060        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | -----                 | -----                 |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>693.758.374</b>    | <b>1.159.875.706</b>  |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       |                       |                       |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                          | 693.758.374           | 1.159.875.706         |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | -----                 | -----                 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | -----                 | -----                 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | -----                 | -----                 |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                           | <b>3.180.091.651</b>  | <b>3.735.371.751</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>                |                       | -----                 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng                  | -----                 | -----                 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn                  | -----                 | -----                 |

|   |                      |                      |
|---|----------------------|----------------------|
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | -----                | -----                |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | -----                | -----                |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | -----                | -----                |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | -----                | -----                |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | -----                | -----                |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>379.953.782</b>   | <b>436.706.870</b>   |
| <b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>              | <b>379.953.782</b>   | <b>436.706.870</b>   |
| - Nguyên giá                                    | 2.999.406.675        | 2.999.406.675        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | (2.619.452.893)      | (2.562.699.805)      |
| <b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>        | -----                | -----                |
| - Nguyên giá                                    | -----                | -----                |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | -----                | -----                |
| <b>3. Tài sản cố định vô hình</b>               | -----                | -----                |
| - Nguyên giá                                    | -----                | -----                |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | -----                | -----                |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | -----                | -----                |
| - Nguyên giá                                    | -----                | -----                |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | -----                | -----                |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | -----                | -----                |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | -----                | -----                |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | -----                | -----                |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | -----                | -----                |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | -----                | -----                |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh      | -----                | -----                |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | -----                | -----                |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | -----                | -----                |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | -----                | -----                |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>2.800.137.869</b> | <b>3.298.664.881</b> |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 2.800.137.869        | 3.298.664.881        |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại               | -----                | -----                |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | -----                | -----                |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | -----                | -----                |
| 5. Lợi thế thương mại                           | -----                | -----                |



|   |                       |                       |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                            | <b>85.005.714.749</b> | <b>83.536.529.168</b> |
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                    |                       |                       |
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                               | <b>56.544.374.986</b> | <b>55.347.784.093</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>53.903.160.767</b> | <b>52.787.662.486</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 6.131.424.244         | 128.554.244           |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 78.261.566            | 975.501.163           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước              | 70.577.421            | 93.215.140            |
| 4. Phải trả người lao động                          | -----                 | -----                 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 324.500.000           | 315.000.000           |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | -----                 | -----                 |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | -----                 | -----                 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | -----                 | -----                 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 25.723.923.380        | 30.874.244.081        |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 21.450.568.647        | 20.297.263.067        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | -----                 | -----                 |
| 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi                        | 123.905.509           | 103.884.791           |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | -----                 | -----                 |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | -----                 | -----                 |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>2.641.214.219</b>  | <b>2.560.121.607</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | -----                 | -----                 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | -----                 | -----                 |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | -----                 | -----                 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | -----                 | -----                 |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | -----                 | -----                 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 1.682.054.219         | 1.542.961.607         |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 959.160.000           | 1.017.160.000         |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | -----                 | -----                 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | -----                 | -----                 |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | -----                 | -----                 |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | -----                 | -----                 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | -----                 | -----                 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | -----                 | -----                 |
| <b>D.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                             | <b>28.461.339.763</b> | <b>28.188.745.075</b> |

|  |                       |                       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>28.461.339.763</b> | <b>28.188.745.075</b> |
| <b>1. Vốn góp của chủ sở hữu</b>               | <b>26.721.570.000</b> | <b>26.721.570.000</b> |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 26.721.570.000        | 26.721.570.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | -----                 | -----                 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                        | -----                 | -----                 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu            | -----                 | -----                 |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                     | -----                 | -----                 |
| 5. Cổ phiếu quỹ                                | -----                 | -----                 |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản             | -----                 | -----                 |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                  | -----                 | -----                 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                       | 549.808.303           | 476.493.293           |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp             | -----                 | -----                 |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu              | -----                 | -----                 |
| <b>11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>   | <b>1.189.961.460</b>  | <b>990.681.782</b>    |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 618.730.354           | 467.003.141           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 571.231.106           | 523.678.641           |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB                      | -----                 | -----                 |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát            | -----                 | -----                 |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>-----</b>          | <b>-----</b>          |
| 1. Nguồn kinh phí                              | -----                 | -----                 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ           | -----                 | -----                 |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>85.005.714.749</b> | <b>83.536.529.168</b> |

**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH – NĂM 2025**

| <b>Chỉ tiêu</b>   | <b>Năm nay</b>         | <b>Năm trước</b>      |
|---|------------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                 | 102.528.850.338        | 89.689.542.628        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                           |                        |                       |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>102.528.850.338</b> | <b>89.689.542.628</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán                                       | 98.705.880.851         | 85.925.326.564        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>3.822.969.487</b>   | <b>3.764.216.064</b>  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                          | 5.760.481              | 3.654.957             |
| 7. Chi phí tài chính                                      |                        |                       |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay                               |                        |                       |
| 8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết          |                        |                       |



|   |                     |                    |
|---|---------------------|--------------------|
| 9. Chi phí bán hàng                                 |                     |                    |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 3.039.691.085       | 3.121.466.472      |
| <b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>  | <b>789.038.883</b>  | <b>646.404.549</b> |
| 12. Thu nhập khác                                   |                     | 69.537.546         |
| 13. Chi phí khác                                    | 60.000.000          | 49.075.035         |
| <b>14. Lợi nhuận khác</b>                           | <b>(60.000.000)</b> | <b>20.462.511</b>  |
| <b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>        | <b>729.038.883</b>  | <b>666.867.060</b> |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                     | 157.807.777         | 143.188.419        |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                      |                     |                    |
| <b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>571.231.106</b>  | <b>523.678.641</b> |
| 18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ              |                     |                    |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát |                     |                    |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)                     | 213,77              | 195.98             |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                      |                     |                    |

**V. BẢNG GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN****1. Đơn vị kiểm toán độc lập:**

Số: 2403.01 -26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi:** Các cổ đông**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Đầu tư và xây lắp Constrexim số 8**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Phạm Thanh Ngọc**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1011-2023-034-1

**Phạm Thị Hiền**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



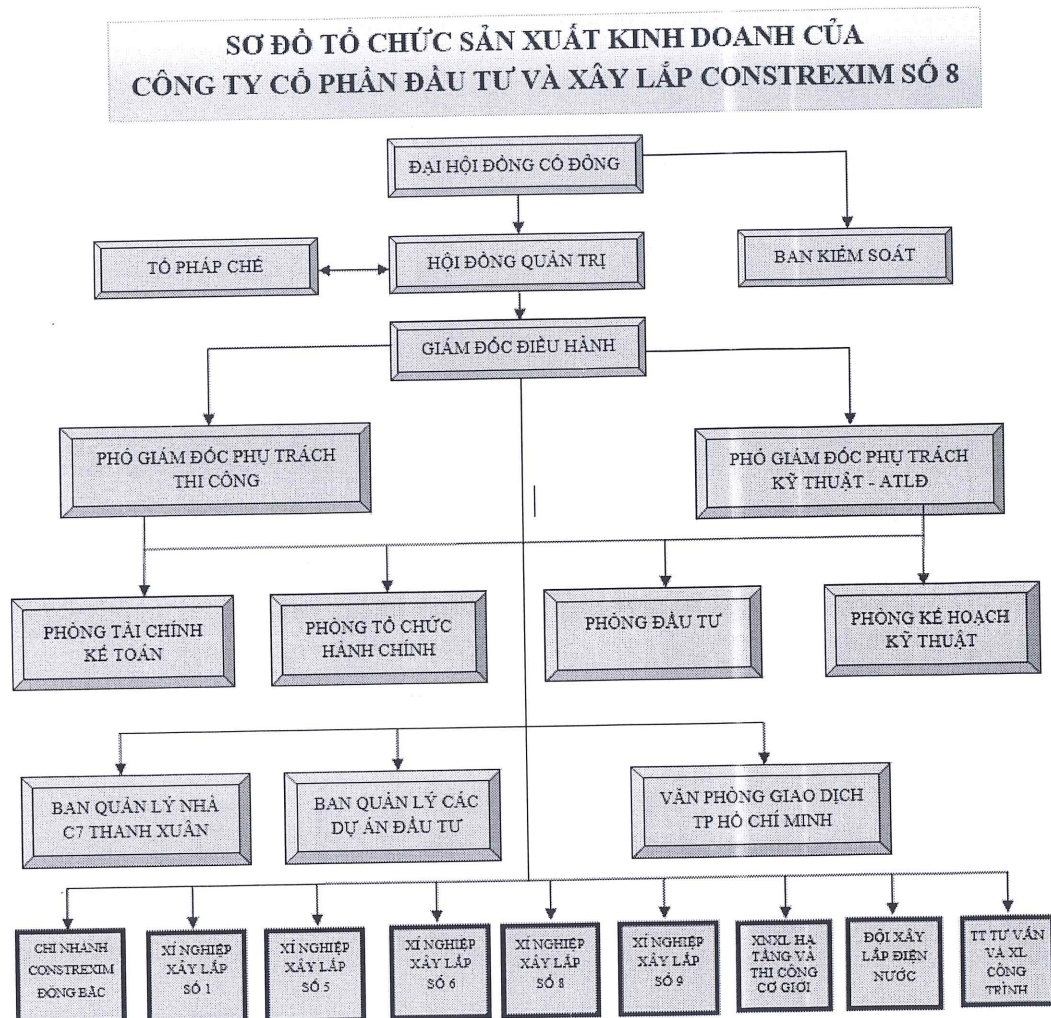
**VI. CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN:**

1. Công ty nắm giữ cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần đầu tư và xây lắp Constrexim số 8 : Không có.

2. Tình hình đầu tư vào công ty có liên quan:

**VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ:**

1. Sơ đồ tổ chức:



**2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Công ty:****\* Hội đồng quản trị****1. Ông: Vũ Đức Tiến***Giới tính:*

Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo PL

Nam

*Ngày tháng năm sinh:*

06/ 11/ 1958

*Số Thẻ căn cước công dân:*001058010503 Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày  
25/07/2021*Quốc tịch:*

Việt Nam

*Dân tộc:*

Kinh

*Quê quán:*

Thanh Trì, Hà Nội

*HKTT:*39 ngõ 26 Trần Quý Cáp, Phường Văn Miếu, Q. Đống Đa, Hà  
Nội*Địa chỉ thường trú:*39/26 tập thể Trần Quý Cáp, Phường Văn Miếu, Q. Đống Đa,  
Hà Nội*Số ĐT liên lạc ở cơ quan:*

024.22425695

*Trình độ văn hóa:*

Đại học

*Trình độ chuyên môn:*

Kỹ sư xây dựng

*Quá trình công tác:*

11/1988 - 12/1993:

Đội phó đội xây lắp số 4 - Công ty Đầu tư và Xây lắp Thương  
mại Hà Nội

01/1994 - 3/1998:

Đội trưởng đội xây lắp số 4 - Công ty Đầu tư và Xây lắp  
Thương mại Hà Nội

4/1998 - 5/2003:

Giám đốc XN Xây lắp số 4 - Công ty Đầu tư và Xây lắp  
Thương mại Hà Nội

6/2003:

Giám đốc XN xây lắp số 8- Công ty Đầu tư xây dựng và xuất  
nhập khẩu Việt Nam

7/2003 - 12/2005:

Giám đốc Cty xây lắp số 8- Cty Đầu tư xây dựng và Xuất  
nhập khẩu Việt Nam

12/2005 - 4/2008:

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư & xây lắp  
Constrexim số 8

5/2008 - 4/2010:

Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP đầu tư & xây lắp  
Constrexim số 8

4/2010 - nay:

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần đầu tư & xây lắp  
Constrexim số 8*Chức vụ công tác hiện nay:*

Chủ tịch HĐQT CTCP đầu tư &amp; xây lắp Constrexim số 8

*Số cổ phần nắm giữ:*

608.678 cổ phần, chiếm 22,78% vốn điều lệ

*Hành vi vi phạm pháp luật:*

Không

*Các khoản nợ đối với Công ty:*

Không

*Lợi ích liên quan đối với Công ty:*

Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty



*Những người có liên quan:*

## **2. Ông: Vũ Duy Hậu**

*Giới tính:*

*Ngày tháng năm sinh:*

*Số CCCD:*

*Quốc tịch:*

*Dân tộc:*

*Quê quán:*

*Địa chỉ thường trú:*

*Số ĐT liên lạc ở cơ quan:*

*Trình độ văn hóa*

*Trình độ chuyên môn:*

*Quá trình công tác:*

4/1992-12/1995:

1/1996 – 12/1998:

1/1999- 6/2000

7/2000 – 7/2003

7/2003 – 12/2005

01/2006- 4/2010

4/2010 - 2022

*Chức vụ công tác hiện nay:*

*Số cổ phần nắm giữ:*

*Hành vi vi phạm pháp luật:*

*Các khoản nợ đối với Công ty:*

*Lợi ích liên quan đối với Công ty:*

*Những người có liên quan:*

## **3. Ông: Hoàng Biên Cương**

*Giới tính:*

*Ngày tháng năm sinh:*

*Số CCCD:*

Vũ Đức Thắng (em), số cổ phần nắm giữ 72.147 CP (2,7%);

Vũ Tường Vy (con) số cổ phần nắm giữ 190.575 CP (7,13%)

Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc công ty

Nam

15/ 06/ 1972

014072000019 Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về cư dân cấp ngày 24/8/2021

Việt Nam

Kinh

Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình

6B Ngõ 81 Nguyễn Phong Sắc, P. Cầu Giấy, Hanoi

024. 22427746

12/12

Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ QTKD

Cán bộ Công ty Xây dựng số 2- Sơn La

Chuyên viên phòng tổng hợp, Cục đầu tư phát triển Sơn La

Kế toán viên Công ty đầu tư xây lắp Thương mại Hà Nội

PT kế toán Xí nghiệp xây lắp số 9 - Công ty Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Việt Nam

Kế toán trưởng Công ty Xây lắp số 8 – Công ty đầu tư xây dựng và xuất nhập khẩu Việt Nam

Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Constrexim số 8

Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP đầu tư và xây lắp Constrexim số 8

Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc CTCP đầu tư và xây lắp Constrexim số 8

147.130 cổ phần, chiếm 5,51 vốn điều lệ

Không

Không

Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

Vũ Thị Diệp (mẹ vợ) số cổ phần nắm giữ: 13.915 CP

Trần Ngọc Bích (em vợ) số cổ phần nắm giữ: 13.875 CP

Thành viên Hội đồng Quản trị

Nam

25/7/1958

001058011055 Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 22/11/2021

Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Hoàng Văn Thụ - Quận Hoàng Mai, Hà Nội  
 Địa chỉ thường trú: Lô 1G P5 KĐT Trung Yên HN  
 Số ĐT liên lạc ở cơ quan: 024.22425695  
 Trình độ văn hóa: 10/10  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng  
 Quá trình công tác:  
 11/1976 – 7/1982: Sinh viên Trường Đại học xây dựng Hà Nội  
 11/1982 – 6/1986: Kỹ sư thi công tại Tổng công ty xây dựng Sông Đà  
 7/1986 – 4/1997: Chuyên viên Công ty CP thiết bị - Bộ Thương Mại  
 5/1997 – 9/1998: Phó phòng kế hoạch và đầu tư Công ty CP thiết bị - Bộ Thương Mại  
 10/1998-12/2006: Phó phòng phụ trách phòng kế hoạch và đầu tư Công ty CP thiết bị - Bộ Thương Mại  
 1/2007 – 8/2007: Cán bộ Công ty CP thiết bị - Bộ Thương Mại  
 9/2007 – 6/2009: Trưởng phòng kế hoạch Công ty CP Đầu tư & Xây lắp Constrexim số 8  
 7/2009 – 2022: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty  
 Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây lắp Constrexim số 8  
 Số cổ phần nắm giữ: 114.040 cổ phần, chiếm 4,27% vốn điều lệ  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty: Không  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty  
 Những người có liên quan: Không

#### 4. Bà: Vũ Tường Vy

Giới tính: Nữ  
 Ngày tháng năm sinh: 28/7/1991  
 Số CMTND: 001191038770 Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư  
 Quốc tịch: Việt Nam  
 Dân tộc: Kinh  
 Quê quán: Thanh Trì, Hà Nội  
 Địa chỉ thường trú: 39 ngõ 26 Trần Quý Cáp, P. Văn Miếu, Q. Đống Đa, HN  
 Số ĐT liên lạc: 0964019922  
 Trình độ văn hóa: Đại học  
 Quá trình công tác:  
 2009-2013: Học Đại học Ngoại Thương  
 2013-2015: Nhân viên Công ty Lotte Việt Nam



|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| 2015-2017                          | Kinh doanh cá nhân                                      |
| 2017 đến nay                       | Công ty cổ phần đầu tư & xây lắp Constrexim 8           |
| Chức vụ công tác hiện nay:         | Thành viên HĐQT CTCP đầu tư & xây lắp Constrexim 8      |
| Số cổ phần nắm giữ:                | 190.575 cổ phần, chiếm 7,13% vốn điều lệ                |
| Hành vi vi phạm pháp luật:         | Không   |
| Các khoản nợ đối với Công ty:      | Không   |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty      |
| Những người có liên quan:          | Vũ Đức Tiến (bố) số cổ phần nắm giữ 608.678 CP (22,78%) |

### 5) Bà Lý Thanh Hằng

|                                    |   |
|------------------------------------|---|
| Giới tính:                         | Nữ  |
| Ngày tháng năm sinh:               | 24/09/1983  |
| Số CCCD:                           | 001183037625 Ngày cấp: 22/09/2023 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư |
| Địa chỉ thường trú:                | 21 ngách 194/7 phố Thanh Đàm, P. Vĩnh Hưng, HN  |
| Quốc tịch:                         | Việt Nam  |
| Dân tộc:                           | Kinh  |
| Trình độ văn hóa:                  | Đại học   |
| Từ 25.5.2022 - đến nay:            | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập CTCP Constrexim số 8                             |
| Chức vụ công tác hiện nay:         | Thành viên Hội đồng quản trị độc lập CTCP Constrexim số 8                             |
| Số cổ phần nắm giữ:                | 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ   |
| Hành vi vi phạm pháp luật:         | Không   |
| Các khoản nợ đối với Công ty:      | Không   |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | phụ cấp/thù lao theo quy định của Công ty   |

### \* Ban kiểm soát

#### 1. Ông: Nguyễn Ngọc Thanh

|                      |   |
|----------------------|---|
| Giới tính:           | Nam   |
| Ngày tháng năm sinh: | 06/06/1969  |
| Số CMTND:            | 020069000023 cấp ngày 21/06/2016 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư |
| Quốc tịch:           | Việt Nam  |
| Dân tộc:             | Kinh  |
| Quê quán:            | Xã Hồng Phong, Nam sách, Hải Dương  |
| Địa chỉ thường trú:  | Ngõ 449, Đường Ngọc Lâm, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, HN                          |
| Số ĐT liên lạc:      | 0936052969  |
| Trình độ văn hóa:    | Đại học   |
| Quá trình công tác:  |   |
| 1992-1997:           | Công ty Miliket, Chi nhánh Gia Lâm  |
| 1998-2002:           | Xí nghiệp Nhựa Song Long  |
| 2003-2009:           | CP đầu tư & xây lắp Constrexim 8  |

|                                    |  |
|------------------------------------|--|
| 2010-2017                          | Nghịệp vụ độc lập  |
| 2017 đến nay:                      | Trưởng BKS Công ty CP đầu tư & xây lắp Constrexim 8                                |
| Số cổ phần nắm giữ:                | 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ   |
| Hành vi vi phạm pháp luật:         | Không  |
| Các khoản nợ đối với Công ty:      | không  |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty                                 |
| Những người có liên quan:          | Không  |
| <b>2. Bà: Nguyễn Thị Thơm</b>      | Trưởng Ban KS (Ngày là TV. BKS 05/06/2025)   |
| Giới tính:                         | Nữ   |
| Ngày tháng năm sinh:               | 20/ 10/1979  |
| Số CCCD:                           | 0361790300 ngày cấp 25/07/2021 Cục CSQLHC về TTXH                                  |
| Quốc tịch:                         | Việt Nam   |
| Dân tộc:                           | Kinh   |
| Quê quán:                          | Nam Định   |
| Địa chỉ thường trú:                | TDP 18, Phố Đại Linh, P, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội                            |
| Số ĐT liên lạc ở cơ quan:          | 0915797336   |
| Trình độ văn hóa:                  | Đại học  |
| Quá trình công tác:                |  |
| 12/2003- 5/2009:                   | Cty công trình 5, TCTy xây dựng đường thủy   |
| 1/2010- 3/2011:                    | Cty bóng đèn phích nước Rạng Đông  |
| 4/2011- 3/2014:                    | Cty CP đầu tư và xây lắp Nguyên Sinh   |
| 4/2014- nay:                       | Kế toán đội thi công- XN9 CTy CP Constrexim 8                                      |
| Chức vụ công tác hiện nay:         | Trưởng BKS Công ty CP đầu tư & xây lắp Constrexim 8                                |
| Số cổ phần nắm giữ:                | 121 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ  |
| Hành vi vi phạm pháp luật:         | Không  |
| Các khoản nợ đối với Công ty:      | Không  |
| Lợi ích liên quan đối với Công ty: | Thù lao theo quy định của Công ty  |
| Những người có liên quan:          | Ông Nguyễn Văn Khuê (chồng)  |
| Chức vụ của người có liên quan:    | Không  |
| Số cổ phần nắm giữ:                | Không  |
| <b>3. Bà Trương Thị Lương</b>      | Ngày bắt đầu là TV. BKS: 27/7/2021   |
| Giới tính:                         | Nữ   |
| Ngày tháng năm sinh:               | 16/11/1984   |
| Số CMTND:                          | 033184001523 cấp ngày 14/04/2021 tại Cục Cảnh sát ĐKQL<br>cư trú và QLQG về dân cư |
| Quốc tịch:                         | Việt Nam   |
| Dân tộc:                           | Kinh   |
| Quê quán:                          | Hưng Yên   |
| Địa chỉ thường trú:                | Đội 10 thôn Như Quỳnh, Xã Như Quỳnh, Hưng Yên                                      |
| Địa chỉ liên hệ:                   | Đội 10 thôn Như Quỳnh, Xã Như Quỳnh, Hưng Yên                                      |



Số ĐT liên lạc: 0387239328  
Trình độ văn hóa: Đại học  
Quá trình công tác:  
2008 - 2019 Công ty CPĐT & XL Constrexim số 8  
T1/2020 đến T3/2021 Nhà máy ống thép Hòa Phát  
T4/2021 đến nay Công ty CPĐT & XL Constrexim số 8  
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên BKS Công ty cổ phần đầu tư & xây lắp Constrexim 8  
  
Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Các khoản nợ đối với Công ty: Không  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao theo quy định của Công ty  
Những người có liên quan:  
**4. Ông Hoàng Văn Thề** TV. Ban KS (Ngày bắt đầu là TV. BKS: 15/5/2024)  
Giới tính: Nam  
Ngày tháng năm sinh: 13/01/1985  
Số CCCD: 036085010388 Ngày cấp: 18/12/2022  
Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH  
Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc: Kinh  
Quê quán: Xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy, Nam Định  
Địa chỉ thường trú: TDP An Lạc, Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội  
Số ĐT liên lạc: 0968516519  
Trình độ văn hóa: Đại học  
Quá trình công tác:  
- 8/2008-12/2011: Nhân viên Công ty CP đầu tư xây dựng Hà Nội-An Dương  
- 01/2012- 11/2025: Nhân viên XNXL hạ tầng và thi công cơ giới CTCP đầu tư & xây lắp Constrexim 8  
  
5/2024 đến nay: TV. BKS CTCP đầu tư & xây lắp Constrexim 8  
Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Các khoản nợ đối với Công ty: Không  
Lợi ích liên quan đối với Cty: Thù lao theo quy định của Công ty  
Những người có liên quan:  
**\* Thành viên Ban điều hành:**  
**1. Ông Vũ Duy Hậu** TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
(Chi tiết đã trình bày tại phần HĐQT)  
**2. Ông Vũ Ngọc Trìu** Phó Tổng Giám đốc  
Giới tính: Nam

|   |  |
|---|--|
| <i>Ngày tháng năm sinh:</i>               | 02/7/1979  |
| <i>Số CMTND:</i>                          | 034079002661 cấp ngày 09/05/2021   |
| <i>Nơi cấp:</i>                           | Cục cảnh sát ĐLQL cư trú và DLQG về dân cư   |
| <i>Quốc tịch:</i>                         | Việt Nam   |
| <i>Dân tộc:</i>                           | Kinh   |
| <i>Quê quán:</i>                          | Quang Lịch, Kiến Xương, Thái Bình  |
| <i>Địa chỉ thường trú:</i>                | Quang Lịch, Kiến Xương, Thái Bình  |
| <i>Địa chỉ liên hệ:</i>                   | Quang Lịch, Kiến Xương, Thái Bình  |
| <i>Số ĐT liên lạc:</i>                    | 0913749458   |
| <i>Trình độ văn hóa:</i>                  | Đại học  |
| <i>Quá trình công tác:</i>                |  |
| 2001 - 2008                               | XN 19 CTy xây dựng 319 - Bộ Quốc phòng   |
| 2009 - nay                                | Công ty CP Đầu tư và xây lắp Constrexim số 8.  |
| <i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>         | Phó Giám đốc CTCP Constrexim số 8 kiêm Giám đốc XNXL số 5 trực thuộc CTCP Constrexim số 8. |
| <i>Số cổ phần nắm giữ:</i>                | 78.352 CP, chiếm 2,93% vốn điều lệ   |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>         | Không  |
| <i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>      | Không  |
| <i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i> | Thù lao theo quy định của Công ty  |
| <i>Những người có liên quan:</i>          |  |
| <b>3. Ông Lê Văn Lực</b>                  | Phó Tổng Giám đốc  |
| <i>Giới tính:</i>                         | Nam  |
| <i>Ngày tháng năm sinh:</i>               | 16/09/1962   |
| <i>Số CCCD:</i>                           | 026062010566 cấp ngày 08/08/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐLQL cư trú và DLQG về dân cư      |
| <i>Quốc tịch:</i>                         | Việt Nam   |
| <i>Dân tộc:</i>                           | Kinh   |
| <i>Quê quán:</i>                          | Vĩnh Phúc  |
| <i>Địa chỉ thường trú:</i>                | Tuân Chính, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc  |
| <i>Địa chỉ liên hệ:</i>                   | Tuân Chính, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc  |
| <i>Số ĐT liên lạc:</i>                    | 0961 165 588   |
| <i>Trình độ văn hóa:</i>                  | 10/10  |
| <i>Quá trình công tác:</i>                |  |
| 1980-1983                                 | Bộ đội – Hạ sỹ quan  |
| 1984-1986                                 | học viên trường cơ khí nông nghiệp Vĩnh Phúc   |
| 1987-2003                                 | CB cty thương nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc  |
| 2004-2010                                 | CTCP TM Hùng Dũng - Giám đốc   |
| 2007- 2021                                | CTCP Constrexim số 8 – GD xí nghiệp trực thuộc   |
| 10.2021 đến nay                           | PGĐ CTCP Constrexim số 8 kiêm GD XNXL số 9   |



|   |  |
|---|--|
| <i>Chức vụ công tác hiện nay:</i>         | PGĐ CTCP Constrexim số 8 kiêm GD XNXL số 9 |
| <i>Số cổ phần nắm giữ:</i>                | 35.826 chiếm 1,34% vốn điều lệ             |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>         | Không                                      |
| <i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>      | Không                                      |
| <i>Lợi ích liên quan đối với Công ty:</i> | Thù lao theo quy định của Công ty          |
| <i>Những người có liên quan:</i>          |  |

**4. Ông Nguyễn Văn Sinh**

|                                       |   |
|---------------------------------------|---|
|                                       | Phó Tổng Giám đốc<br>(Ngày bắt đầu là TV. BDH:16/01/2024)       |
| <i>Giới tính:</i>                     | Nam   |
| <i>Ngày tháng năm sinh:</i>           | 14/02/1974  |
| <i>Số CCCD:</i>                       | 001074030434 Ngày cấp: 19/4/2021<br>Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH |
| <i>Quốc tịch:</i>                     | Việt Nam  |
| <i>Dân tộc:</i>                       | Kinh  |
| <i>Quê quán:</i>                      | Phú Phương, Ba vì, Hà Nội                                       |
| <i>Địa chỉ thường trú:</i>            | số 4, ngõ 112/26, đường 19/5, Tổ 2, Văn Quán, Hà Đông,          |
| <i>Số ĐT liên lạc:</i>                | Hà Nội  |
| <i>Trình độ văn hóa:</i>              | Đại học   |
| <i>Quá trình công tác:</i>            |   |
| <i>2000 - 2003:</i>                   | NV Cty điện tử Sel  |
| <i>2004 - 2009:</i>                   | NV CTCP quảng cáo Sáng Tạo;                                     |
| <i>2009 - 2013:</i>                   | CB CTCP đầu tư và xây lắp Nguyên Sinh;                          |
| <i>2013 - 2023:</i>                   | Cán bộ XNXL số 6 -CTCP đầu tư & xây lắp Constrexim 8            |
| <i>1/2024 đến nay</i>                 | Phó TGĐ CTCP đầu tư & xây lắp Constrexim 8;                     |
| <i>Số cổ phần nắm giữ:</i>            | 52.541 cổ phần, chiếm 1,97 % vốn điều lệ                        |
| <i>Hành vi vi phạm pháp luật:</i>     | Không   |
| <i>Các khoản nợ đối với Công ty:</i>  | không   |
| <i>Lợi ích liên quan đối với Cty:</i> | Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty              |
| <i>Những người có liên quan:</i>      |   |

**6. Chính sách đối với người lao động.****\* Chế độ làm việc.**

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 44 giờ/tuần, các nhân viên tại văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các công trình của Công ty được tổ chức làm việc theo tiến độ thi công công trình

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo quy định của Luật lao động, Luật Doanh Nghiệp và quy định hiện hành khác của Nhà nước Việt Nam.

Nghỉ ốm, thai sản: Thực hiện theo quy định của Luật lao động, Luật Doanh Nghiệp, Luật Bảo hiểm xã hội và quy định hiện hành khác của Nhà nước Việt Nam.

Các chế độ, phúc lợi: Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BH (XH, YT, TN) cho 100% CBCNV có ký hợp đồng xác định thời hạn với Cty
- Trang bị phương tiện lao động cho CBCNV theo đặc điểm tính chất công việc
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động.
- Tiền ăn ca .

Công tác an toàn lao động được cấp lãnh đạo Công ty quan tâm, quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động.

Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên được tạo điều kiện thuận lợi.

**\* Chính sách tuyển dụng, đào tạo.**

Tuyển dụng: mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có trình độ, năng lực và kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu công việc. Công ty thường xuyên quan tâm tuyển dụng sắp xếp, bố trí và kiện toàn đội ngũ cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ SXKD.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

**7. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị gồm có 5 thành viên.

Trong năm 2025 không có sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị:

**8. Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát:**

Ban Kiểm soát gồm có 3 thành viên.

Trong năm 2025 có sự thay đổi thành viên Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Ngọc Thanh không là Trưởng Ban KS từ ngày 05/06/2025;

Bà Nguyễn Thị Thơm là Trưởng Ban KS từ ngày 05/06/2025

**VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY:**

**1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

**a. Thành viên Hội đồng quản trị:**

- Ông Vũ Đức Tiến - Chủ tịch HĐQT
- Ông Vũ Duy Hậu- Thành viên HĐQT - kiêm Giám đốc
- Ông Hoàng Biên Cương- Thành viên HĐQT - kiêm Phó Giám đốc
- Bà Vũ Tường Vy - Thành viên HĐQT - Không kiêm nhiệm công tác tại Cty;
- Bà Lý Thanh Hằng - Thành viên HĐQT độc lập.

**b. Thành viên Ban kiểm soát:**

- Ông Nguyễn Ngọc Thanh - Trưởng Ban KS (không là Trưởng Ban KS từ ngày 05/06/2025)
- Bà Nguyễn Thị Thơm - Trưởng Ban KS (từ ngày 05/06/2025)
- Bà Trương Thị Lương - Thành viên Ban KS;
- Ông Hoàng Văn Thử - Thành viên Ban KS (Ngày bắt đầu là TV. BKS: 15/5/2024)

**c. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:**



Hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Constrexim số 8 luôn bám sát và thực hiện đúng chủ trương, đường lối, chính sách, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty. Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT ban hành những Nghị quyết, Quyết định phù hợp tình hình thực tế, góp phần mang lại hiệu quả cho đơn vị. Cụ thể như sau:

c.1 Về ưu điểm:

c.1.1. Về công tác chỉ đạo điều hành:

HĐQT thống nhất cao về mục tiêu củng cố, ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước; luôn quan tâm đến việc làm, đời sống vật chất và tinh thần, thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước; Chi trả cổ tức hàng năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã kịp thời ban hành các Nghị quyết, quyết định và chỉ đạo Ban Điều hành Công ty trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, khắc phục thiên tai, dịch bệnh, giảm thiểu rủi ro.

Xây dựng và thực hiện tốt quy chế dân chủ, mọi chủ trương lớn cũng như kế hoạch trung, dài hạn khi xây dựng và trước khi tổ chức thực hiện đều được HĐQT và Ban điều hành tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cổ đông tại các cuộc họp Đại hội thường niên và bất thường, trong thời gian chưa tổ chức ĐHĐCĐ thì tham vấn ý kiến Ban kiểm soát, Ban chấp hành công đoàn công ty, Hội nghị người lao động công ty và các tập thể đơn vị trực thuộc, do đó đã tạo được bầu không khí dân chủ, gắn bó của toàn thể CBCNV và cổ đông với Công ty.

Thực hiện Quy trình CBTT, Quy chế quản trị Công ty trên cơ sở các quy định hiện hành áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

c.1.2. Về công tác nhân sự:

Năm 2006, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006, Đại hội đầu tiên khi chuyển đổi từ DNNN sang mô hình CTCP, đại hội đã bầu 05 thành viên Hội đồng quản trị và 03 thành viên Ban kiểm soát để chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2012, Đại hội đã bầu nhiệm kỳ mới 2012-2016 gồm 5 thành viên HĐQT, 3 thành viên BKS.

Năm 2017, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 (tháng 5/2017) đã bầu 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022 gồm các ông/bà: Vũ Đức Tiến, Vũ Duy Hậu, Hoàng Biên Cương, Nguyễn Đình Nghĩa, Vũ Tường Vy và 03 thành viên BKS nhiệm kỳ 2017 - 2022 gồm các ông/bà: Nguyễn Ngọc Thanh, Lý Văn Khả, Nguyễn Thị Hồng Vân.

Năm 2019 có sự thay đổi thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2022:

Ông Nguyễn Đình Nghĩa, thành viên HĐQT có đơn xin từ nhiệm vì lý do công việc cá nhân, Ông Lý Văn Khả, thành viên BKS có đơn xin từ nhiệm vì lý do sức khỏe cá nhân. ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã chấp thuận đơn từ nhiệm và bầu ông Vũ Ngọc Chính đảm nhiệm chức vụ thành viên HĐQT, bà Bùi Thị Hà Thu đảm nhiệm chức vụ thành viên BKS;

Năm 2021 có sự thay đổi thành viên BKS:

Bà Bùi Thị Hà Thu - không còn là thành viên BKS từ 27/7/2021 do có đơn từ nhiệm và được ĐHĐCĐ bỏ phiếu miễn nhiệm;

Bà Trương Thị Lương - Được ĐHĐCĐ bầu là Thành viên Ban KS từ 27/7/2021;

Năm 2022, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, từ 25.5.2022 Ông Vũ Ngọc Chính không còn là thành viên HĐQT công ty, Bà Lý Thanh Hàng là thành viên HĐQT độc lập của công ty;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (15/05/2024) chấp thuận đơn từ nhiệm (vì lý do công việc cá nhân), biểu quyết miễn nhiệm TV. Ban KS đối với bà Nguyễn Thị Hồng Vân và bầu ông Hoàng Văn Thế là TV. Ban KS nhiệm kỳ 2022 - 2027.

Năm 2025 có sự thay đổi thành viên BKS:

Ông: Nguyễn Ngọc Thanh- Trưởng BKS có đơn xin từ nhiệm vì lý do cá nhân gửi ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và được ĐHĐCĐ biểu quyết chấp thuận;

ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã bầu bổ sung thành viên BKS là bà Nguyễn Thị Thơm.

Các thành viên BKS đã họp bầu bà Nguyễn Thị Thơm làm Trưởng Ban KS.

#### c.2. Những tồn tại:

Hoạt động liên doanh liên kết và đa dạng hóa sản phẩm có sự quan tâm thường xuyên nhưng hiệu quả chưa đạt được như kỳ vọng.

#### c.3. Biện pháp khắc phục:

Xây dựng hệ thống các quy chế quản lý nội bộ của Công ty, của HĐQT và các quy chế quy định khác theo yêu cầu quản lý, điều hành Công ty. Tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các quy chế đã ban hành, tranh thủ tối đa các nguồn lực, liên doanh liên kết để tăng khả năng cạnh tranh, đạt hiệu quả cao hơn trong SXKD, bảo toàn và phát triển nguồn vốn;

Có kế hoạch cụ thể để giải quyết triệt để, kịp thời và nghiêm túc các tồn tại nảy sinh. Cùng cố, phát huy sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT và trong Công ty trên cơ sở tuân thủ pháp luật, điều lệ Công ty; đảm bảo sự phối hợp của các tổ chức chính trị xã hội tại Công ty (chi bộ, công đoàn), khai thác tốt sự hợp tác phối hợp của người lao động và cổ đông của công ty.

#### d. Quyền lợi của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã thống nhất thông qua thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024.

#### e. Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:

Thành viên HĐQT: Không có

Thành viên BKS: Không có

#### f. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các cá nhân có liên quan (từ ngày 01/01/2025 –31/12/2025):

*Giao dịch cổ phiếu của thành viên HĐQT và người có liên quan: Không có*

*Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông lớn:*



Bà: Quách Bích Việt

Mã chứng khoán giao dịch: CX8

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 158.323CP (5.92%)

Số lượng cổ phiếu đăng ký bán:

Số lượng cổ phiếu đã giao dịch bán tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và không còn là cổ đông lớn: 125.600CP

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 32.723CP (1,22%)

Phương thức giao dịch: khớp lệnh tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Ngày thực hiện giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và không còn là cổ đông lớn: 03/6/2025.

## 2. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:

2.1. Cổ đông Nhà nước: Không

2.2. Số liệu về cơ cấu cổ đông:

a. Cổ đông trong nước: 2.664.504 CP giá trị: 26.645.040.000 đồng

Trong đó:

- Số lượng : 2.546.118 cổ phần; Giá trị cổ phần 25.461.180.000 đồng đã lưu ký tại VSDC

- Số lượng: 118.386 cổ phần; Giá trị cổ phần 1.183.860.000 đồng chưa đăng ký lưu ký tại VSDC; Số cổ phiếu này có nguồn gốc từ giá trị thương hiệu Constrexim chưa được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết cổ phiếu và sẽ được xem xét thực hiện niêm yết bổ sung sau khi có văn bản hướng dẫn (theo nội dung văn bản số 142/SGDCKHN ngày 22/01/2010 của HNX).

Cổ đông nắm giữ 5% hoặc dưới 5% có quyền biểu quyết số lượng 2.664.504CP giá trị cổ phần: 26.645.040.000 đồng, chiếm 99,71 %

b. Cổ đông nước ngoài: 7.653 cổ phần ; giá trị cổ phần 76.530.000 đồng, chiếm 0.29%

## CTCP ĐẦU TƯ VÀ XÂY LẮP CONSTREXIM SỐ 8

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Vũ Đức Tiến